TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HSPT
Ngày 09/8/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Quang Huy**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Công Thái**

Ông **Nguyễn Khánh Phương**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Triệu Thị Tuyết** - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Nông Ngọc Thuyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 37/2018/HSPT, ngày 26 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo V V M do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2018/HSST, ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

*** Bị cáo kháng cáo:**

- V V M, sinh ngày 02/5/1981.

Trú tại: Thôn MA, xã VH, huyện VT, tỉnh TB; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn H (Đã chết) và bà Trần Thị G; Vợ là: Vũ Thị Y và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1, Điều 139 của Bộ Luật Hình sự. Bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác (Có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn Mạnh: Luật sư **Nguyễn Văn Th** - Công ty Luật TNHH Huy Thành thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt).

* Người bị hại: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1979; Trú tại: Tổ nhân dân HD, thị trấn YL, huyện NR, tỉnh BK. (Có mặt).

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và giám định viên không liên quan đến kháng cáo - Không triệu tập.***

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 10/9/2012, V VM, sinh năm 1981, trú tại thôn MA, xã VH, huyện VT, tỉnh TB đi xe mô tô đến nhà anh Nguyễn Văn M tại Phố A, thị trấnYL, huyện NR, tỉnh BK. Tại nhà anh M, có anh M và vợ là chị Đặng Thị H. M tự giới thiệu là Hoàng Trung K - Cán bộ kiểm lâm mới về Hạt kiểm lâm huyện Na Rì công tác và làm trợ lý cho ông B - Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện Na Rì, được ông B cử sang gặp liên hệ thanh lý gỗ gồm: nghiến 05 khối giá 8.000.000đ/m3; giổi 06 khối giá 10.000.000đ/m3; phay 03 khối giá 5.000.000đ/m3. Tổng cộng là 115.000.000đ. Sau đó, M gọi điện thoại cho một người và nói với M là ông B, rồi đưa điện thoại cho M nói chuyện, nghe giọng nói qua điện thoại M tin là ông B. Người giả danh ông Hà Ngọc B - Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện Na Rì, còn nói với M là việc làm ăn riêng phải giữ kín và phải đưa trước số tiền 50.000.000đ mang lên phòng làm việc để K (M) còn đi nộp thuế trong buổi sáng. Khoảng 09 giờ sáng ngày 10/9/2012, anh M đi rút số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Ngân hàng NN&PTNT) huyện Na Rì. Khi anh M về đến nhà thì K (M) cũng đến ngay sau đó. M vào nhà nói là ông B đang có khách, cứ đưa tiền cho K (M) cầm về cho, hẹn 13 giờ 30 phút lên Hạt kiểm lâm để lấy hồ sơ và xem gỗ. M viết cho anh M 01 phiếu xuất kho không có chữ ký họ tên Kế toán, không có chữ ký và đóng dấu họ tên Thủ trưởng, không đóng dấu treo vào góc trên bên trái tên cơ quan; chỉ có họ tên người nhận hàng là Nguyễn Văn M, thủ kho là Hoàng Trung K, lý do xuất kho là hàng thanh lý tại Hạt kiểm lâm huyện Na Rì, số lượng gỗ và giá tiền ghi đúng như thỏa thuận trên: "thanh toán trước 50.000.000đ, còn lại hẹn đến ngày 30/09 trả hết". Anh M đưa số tiền 50.000.000đ cho Vũ Văn M và yêu cầu M viết cho tờ giấy biên nhận tiền thì M bảo "chữ viết của anh trong phiếu xuất kho rồi cần gì phải viết nữa", sau đó M đi luôn. Đến khoảng 13 giờ 30 phút, Nguyễn Văn M đến Hạt kiểm lâm huyện Na Rì hỏi thì tại Hạt kiểm lâm huyện Na Rì không có gỗ thanh lý. Biết là bị lừa đảo nên anh M đến Công an huyện Na Rì trình báo và nộp tờ phiếu xuất kho, cung cấp số điện thoại của K (M) 0973593618 và số giả danh ông B 0975306076.

Ngày 08/7/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện Na Rì ra Quyết định trưng cầu giám định số 21, trưng cầu Viện Khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát để giám định chữ viết trên phiếu xuất kho do Nguyễn Văn M cung cấp với 02 bản tự khai ngày 12/11/2014 của Vũ Văn M. Ngày 29/7/2016, Viện Khoa học hình sự có kết luận giám định số 3133/C54 - P5, kết luận: *Chữ viết (trừ các chữ "Nguyễn Văn M" dưới mục "người nhận hàng") trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 là chữ viết của cùng một người. Tài liệu cần giám định ký hiệu A không bị tẩy xóa, cắt ghép*. Tài liệu ký hiệu A là phiếu xuất kho; tài liệu ký hiệu M1, M2 là hai bản gốc tự khai của Vũ Văn M.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2018/HSST, ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn đã Quyết định:

Áp dụng Điểm e Khoản 2, Khoản 5 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009):

Tuyên bố bị cáo V V M phạm tội: " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo V V M 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo V V M 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung qũy Nhà nước.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn M số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 22/5/2018 bị cáo V V M kháng cáo kêu oan. Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến:

- Đề nghị triệu tập chị Đặng Thị H (Vợ bị hại M) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tham gia phiên tòa phúc thẩm để kiểm tra tính xác thực các lời khai của chị H có trong hồ sơ vụ án.

- Việc nhận dạng qua ảnh do cơ quan CSĐT công an huyện Na Rì tiến hành không đúng quy định, 04 bản ảnh đưa ra để nhận dạng không giống nhau và anh M cũng không nêu được đặc điểm, dấu vết riêng biệt để có căn cứ khẳng định người đã thực hiện hành vi lừa đảo là V V M.

Mặt khác anh M đã nhìn ảnh của M do ông Tr, bà Lê Thị L ở huyện Đại từ, tỉnh Thái Nguyên cung cấp trước, do vậy việc nhận dạng qua ảnh không còn đảm bảo khách quan.

- Về giám định: Cơ quan CSĐT Công an huyện Na Rì lấy bản gốc Bản tự khai của bị cáo M trong hồ sơ vụ án khác để lấy mẫu so sánh đối chiếu với chữ viết trong tờ giấy than "Phiếu xuất kho" do anh M cung cấp là không khách quan vì nguyên tắc không thể sử dụng bản khai của một vụ án này để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án khác.

Mặt khác Bản kết luận giám định về chữ viết nêu trên không đưa ra việc kết luận chữ viết trong Mẫu phiếu xuất kho có bị tô đồ hay không.

- Về số điện thoại do anh M cung cấp cụ thể: 0973593618 do người giới thiệu tên K sử dụng, số điện thoại 0975306076 do người giả danh ông B sử dụng, qua báo cáo chi tiết lịch sử liên lạc của công ty Viettel không thể hiện chủ các thuê bao nêu trên là ai nên không có cơ sở kết luận M đã sử dụng số điện thoại

0973593618 vào thời điểm ngày 10/9/2012 nhằm vào mục đích lừa đảo như anh M khai báo.

- Lời khai của bà Nông Thị H - Cán bộ Ngân hàng NN&PTNT huyện Na Rì thể hiện vào khoảng 09 - 10 giờ sáng ngày 10/9/2012, anh M có rút số tiền 50.000.000đ tiền mệnh giá 100.000đ tại Ngân hàng NN&PTNT huyện Na Rì. Số tiền rút ra từ Ngân hàng NN&PTNT huyện Na Rì không đủ căn cứ chứng minh anh Mới đã sử dụng đưa cho bị cáo M, việc quy kết bị hại M sử dụng tiền rút ra tại Ngân hàng NN&PTNT huyện Na Rì cho người tên K (tức M) là suy diễn.

- Về lời khai người tên K (tức M) có sử dụng xe máy biển kiểm soát: 29 … và người sử dụng số điện thoại 0975306076 giả danh ông Hà Ngọc B liên lạc với anh M để trao đổi nhằm tạo niềm tin để anh M giao tiền cho K (tức M) Cơ quan CSĐT công an huyện Na Rì chưa điều tra làm rõ, chưa xác định trong vụ án có đồng phạm hay không? từ đó chưa xác định được vai trò, vị trí từng người trong vụ án nên chưa thể có căn cứ chính xác để kết tội.

Từ những vướng mắc nêu trên, luật sư đề nghị hủy án sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra lại vụ án.

* Tại phiên tòa kiểm sát viên có quan điểm đối đáp:

- Đối với đề nghị triệu tập chị Đặng Thị H tham gia phiên tòa, qua lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện khi anh M bị người đàn ông giới thiệu tên K (tức M) thực hiện hành vi lừa đảo, chị H có mặt tại nhà tuy nhiên chị chỉ tập trung bán hàng với khách hàng, không tham gia việc trao đổi giữa 2 người (M và M) nên chị không biết, do vậy thấy không cần thiết phải triệu tập chị H tham gia phiên tòa phúc thẩm.

- Việc nhận dạng qua ảnh do cơ quan CSĐT Công an huyện Na Rì tiến hành đúng theo thủ tục tố tụng quy định, 04 bản ảnh đưa ra để nhận dạng là căn cứ để anh M so sánh và qua xem xét nhận dạng qua ảnh anh M đã chỉ đúng và khẳng định người đã thực hiện hành vi lừa đảo chính là Vũ Văn M.

- Về giám định: Cơ quan CSĐT công an huyện Na Rì lấy bản gốc Bản tự khai của bị cáo M trong hồ sơ vụ án khác để lấy mẫu chữ viết so sánh đối chiếu với chữ viết trong tờ giấy than "Phiếu xuất kho" do anh M cung cấp để xác định có do một người viết ra không, còn không lấy nội dung bản khai để làm căn cứ buộc tội bị cáo trong vụ án này do đó xác định Bản kết luận giám định về chữ viết được thực hiện của cơ quan có chuyên môn và thẩm quyền là Viện khoa học Hình sự Bộ công an là có đủ căn cứ pháp lý và được thực hiện trên cơ sở khoa học.

- Về số điện thoại do anh M cung cấp cụ thể: 0973593618 do K sử dụng, số 0975306076 do người giả danh ông B sử dụng, qua báo cáo chi tiết lịch sử liên lạc của công ty Viettel thể hiện có việc gọi đến các số máy trong buổi sáng ngày 10/9/2012 do đó có căn cứ khẳng định lời khai của bị hại M khai báo là trung thực và chính xác.

- Lời khai của bà Nông Thị H - Cán bộ Ngân hàng NN&PTNT huyện Na Rì thể hiện vào khoảng 09 - 10 giờ sáng ngày 10/9/2012, anh M có rút số tiền

50.000.000đ tiền mệnh giá 100.000đ tại Ngân hàng NN&PTNT huyện Na Rì. Số tiền rút ra từ Ngân hàng phù hợp với lời khai của bị hại M và phù hợp với số tiền bị cáo M đã nhận và ghi tại phiếu xuất kho lập ngày 10/9/2012 do Hoàng Trung K (tức Vũ Văn M) nhận của anh M. Như vậy lời khai của anh M và bà Nông Thị H phù hợp với thực tế nên có cơ sở xem xét là có căn cứ.

Còn trong vụ án có người sử dụng số thuê bao 0975306076 giả danh ông B cùng với bị cáo M tạo niền tin nhằm lừa đảo chiếm đoạt 50.000.000đ của bị hại Mới, cơ quan CSĐT công an huyện Na Rì đã lấy lời khai nhưng bị cáo M không hợp tác, do đó vấn đề này HĐXX sẽ kiến nghị để cơ quan CSĐT tiếp tục xác minh làm rõ khi có đủ căn cứ sẽ xử lý .

Từ những lập luận trên, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội của bị cáo V V M thể hiện: Sáng ngày 10/9/2012, bị có M đến nhà anh Nguyễn Văn M, trú tại tổ Hát Deng, thị trấn YL, huyện NR, tỉnh BK tự giới thiệu là cán bộ - trợ lý Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện Na Rì và đưa ra những thông tin gian dối là Hạt kiểm lâm huyện Na Rì đang có gỗ bán thanh lý với giá 115.000.000đ. Do tin tưởng vào lời nói và nội dung các cuộc điện thoại trao đổi, anh M đã đồng ý mua số gỗ trên, đồng thời rút số tiền 50 triệu đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Na Rì về nhà đưa cho M. Sau khi nhận được số tiền trên bị cáo đã bỏ trốn và bị bắt giữ sau đó trong một vụ án khác.

Với hành vi nêu trên của bị cáo, Tòa cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo V V M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e, khoản 2, khoản 5 Điều 139/BLHS là có căn cứ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo, HĐXX xét thấy:

Bị cáo kháng cáo kêu oan và tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận việc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Mới vào ngày 10/9/2012. Tuy nhiên căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, có đủ có sở khẳng định V V M là người đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn M với số tiền là 50 triệu đồng, cụ thể:

Căn cứ vào lời khai của người bị hại: Ngày 10/9/2012 bị cáo Mạnh đến nhà anh Mới giới thiệu tên Hoàng Trung K là cán bộ Hạt kiểm lâm huyện Na Rì và đã đưa ra những thông tin gian dối là Hạt kiểm lâm đang có gỗ bán thanh lý, cụ thể: Nghiến 05 khối giá 8.000.000đ/m3; Giổi 06 khối giá 10.000.000đ/m3; Phay 03 khối giá 5.000.000đ/m3, tổng cộng là 115.000.000đ. Để anh M tin tưởng, M đã gọi điện thoại đến số 0975306076 cho một người đàn ông giả danh là ông B - Hạt trưởng hạt kiểm lâm huyện Na Rì và tạo điều kiện để anh M trao đổi với người đàn ông đó về việc mua bán gỗ, làm cho anh M tin là Hạt kiểm lâm thanh lý gỗ là

có thật và chuyển tiền cho bị cáo, thể hiện qua lịch sử các cuộc gọi giữa số máy 0973593618 (Do M sử dụng) và số máy 0975306076 (Số máy của người giải danh ông B sử dụng) và các cuộc gọi giữa số máy 0975306076 (Số máy của người giả danh ông B) với số máy 09845547864 (Số máy của anh M sử dụng) BL 118 - 121. Thông qua lịch sử các cuộc điện thoại do cơ quan Viễn thông quân đội cung cấp có căn cứ để khẳng định lời khai của bị hại M là có căn cứ chính xác.

Ngày 08/7/2016 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Na Rì đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 21, trưng cầu Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát để giám định chữ viết trên phiếu xuất kho về nội dung mua bán gỗ giữa bị cáo và Nguyễn Văn M ngày 10/9/2012 (tài liệu do anh M cung cấp) và 02 bản tự khai do bị cáo V V M viết ngày 12/11/2014. Ngày 29/7/2016 Viện khoa học hình sự kết luận: "Chữ viết (trừ các chữ Nguyễn Văn Mới", dưới mục "người nhận hàng") trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 là chữ viết của cùng một người. Tài liệu cần giám định ký hiệu A, không bị tẩy xóa, cắt ghép. Tài liệu A là phiếu xuất kho; tài liệu ký hiệu M1, M2 là hai bản gốc tự khai của Vũ Văn Mạnh. Do vậy có thể khẳng định chữ viết trong phiếu xuất kho ngày 10/9/2012 là chữ viết của V V M.

Căn cứ vào lời khai của bà Nông Thị H - Cán bộ Ngân hàng NN&PTNT huyện Na Rì (BL 99 đến 100) thể hiện vào khoảng 09 - 10 giờ sáng ngày 10/9/2012, anh Mới có rút số tiền 50.000.000đ tiền mệnh giá 100.000đ. (Giấy lĩnh tiền ngày 10/9/2012 (BL 33) thể hiện anh M rút 50.000.000đ gồm 500 tờ tiền mệnh giá 100.000đ). Số tiền rút ra từ Ngân hàng NN&PTNT huyện Na Rì phù hợp với lời khai của bị hại M và phù hợp với số tiền bị cáo đã nhận được ghi trong giấy Phiếu xuất kho bị cáo giao cho anh M.

Tại Biên bản nhận dạng lập ngày 05/8/2016 (BL 55 đến 70) và biên bản đối chất lập ngày 13/01/2017 (BL 185 đến 186) giữa anh M và M, anh M khẳng định người giả danh cán bộ kiểm lâm huyện Na Rì lừa đảo chiếm đoạt số tiền 50.000.000đ của anh chính là V V P

Tại phiếu xuất kho lập ngày 10/9/2012 (BL 43) thể hiện ngày 10/9/2012, Hoàng Trung K (tức Vũ Văn M) nhận của anh M số tiền 50.000.000đ.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định bị cáo V V M đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn M với số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Do vậy Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Vũ Văn M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điểm e Khoản 2, Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, do vậy cần bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét về nhân thân: V V M không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, bị cáo đang bị xem xét, truy cứu trách nhiệm hình sự trong nhiều vụ án về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể: Ngày 27/4/2011 bị cáo có hành vi giả danh cán bộ Hạt kiểm lâm huyện Đại Từ mang tên Hoàng Trung Đ, đến nhà bà Lê Thị Loan sinh năm 1965, trú tại xóm Phố Điệp, xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái

Nguyên lừa đảo bán gỗ thanh lý, chiếm đoạt 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Ngày 04/7/2014 Vũ Văn M có hành vi giả danh cán bộ Đội quản lý thị trường huyện Phú Bình mang tên Nguyễn Văn Bình đến nhà ông Giáp Văn Suốt, sinh năm 1963, trú tại xóm Kiều Chính, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên lừa đảo bán hàng thanh lý (phân đạm và kali) chiếm đoạt 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng); Ngày 15/7/2014, V V M có hành vi giả danh cán bộ Đội quản lý thị trường huyện Đại Từ đến nhà ông Phạm Quang Trung sinh năm 1963, trú tại xóm Đồng Mạc, xã Tiên Hội, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên lừa đảo bán hàng thanh lý (phân đạm) chiếm đoạt số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và đã bị Tòa án nhân dân huyện Đại Từ xét xử và kết án 18 tháng án treo, 36 tháng thử thách về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" vào ngày 23/3/2015. Căn cứ nhân thân của bị cáo có thể đánh giá bị cáo có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật kém, coi thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước.

Căn cứ vào tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo xét thấy bị cáo có đầy đủ sự hiểu biết, nhận thức về pháp luật nhưng đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy Cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức án 30 (ba mươi) tháng tù là hoàn toàn phù hợp.

Từ phân tích trên HĐXX thấy cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát : bác kháng cáo của bị cáo, bác đề nghị hủy án sơ thẩm của Luật sư, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiến nghị Cơ quan CSĐT huyện Na Rì tiếp tục điều tra, xác minh đối tượng đã sử dụng số điện thoại 0975306076 giả danh ông Hà Ngọc B để cùng bị cáo M trao đổi điện thoại với bị hại M tạo niềm tin để bị cáo M thực hiện hoàn thành việc lừa đảo chiếm đoạt 50.000.000đ của bị hại M để xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Án phí: Xét thấy nội dung kháng cáo của bị cáo không có căn cứ được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo V V M, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2018/HSST, ngày 17/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ: Điểm e Khoản 2, Khoản 5 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009):

Tuyên bố bị cáo V V M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo V V M 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2. Án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án;

Bị cáo V V M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDTBK;
- TAND huyện N.Sơn;
- VKSND huyện NSơn;
- CA huyện N.Sơn;
- THADS huyện NS;
- Sở TP;
- Bị cáo (TTGCA Thái Nguyên);
- Luật sư bào chữa
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Quang Huy